

# Áo Vàng Hoa

CTHD

Chín giờ sáng ngày 10 tháng Mười, năm 2017. Trời Virginia cuối Thu. Hàng cây trước cửa sổ phòng tôi vàng những lá vàng. Tất cả những lá cây Rừng Phong hôm nay đều ngả sang màu vàng, có một số lá cây sang màu đỏ. Vòm cây lá xanh, lá vàng, lá đỏ thật đẹp. Nhiều lắm là bấy ngày nữa tất cả những lá cây ở Rừng Phong sẽ rụng hết. những cành cây sẽ khẳng khiu, trơ trọi..

Một mùa Thu vàng Virginia lại vừa đi qua cuộc đời vợ chồng tôi. Như mới đây thôi, như mới hôm qua. Sau chuyến bay dài qua biển – dài đến một ngày, một đêm – vợ chồng tôi dắt nhau vào phi cảng San Francisco. Những bước chân đầu tiên của vợ chồng tôi trên đất Kỳ Hoa đặt trong phi cảng San Francisco. Lúc ấy chúng tôi không biết thời gian đang là ngày hay đêm. Phi cảng sáng choang ánh đèn điện. Chúng tôi ngồi chờ phi cơ sang Washington DC. Nhân viên hàng không mời chúng tôi ăn bữa ăn fastfood thứ nhất của chúng tôi trong phi cảng này.

Ngồi nhìn những người qua lại, tôi nhớ tôi đã nhìn thấy cảnh này trên màn ảnh xi-nê. Nhưng khi ấy tôi ở bên ngoài nhìn vào cảnh – cảnh ảo, cảnh không thực – nay tôi ở trong cảnh. Cảnh thực. Khi vợ chồng tôi đến Bức Tường Đen Vietnam War ở công viên trước Bạch Cung, bức tường tưởng nhớ những người Mỹ đã chết trong Chiến Tranh Việt Nam, cảm nghĩ ấy lại đến với tôi: tôi đã thấy bức tường này trên màn ảnh, tôi đã tả cảnh bức tường này khi tôi dịch mấy quyển tiểu thuyết Mỹ, nay tôi đứng trước bức tường này.



## ***Bông Hồng trên Bức Tường Đen***

Đêm ấy – đêm thứ nhất vợ chồng tôi đến Kỳ Hoa – trời mưa lớn, không có máy bay từ San Francisco sang Washington DC. Vợ chồng tôi ngủ đêm ở Chicago. Chúng tôi dắt díu nhau vào phi cảng Washington DC lúc 11 giờ trưa hôm sau. Bạn cũ, bạn mới đến đón chúng tôi thật đông. Thấm thoát vậy mà đã hơn 20 mùa thu lá bay vợ chồng tôi sống ở Kỳ Hoa.

Một buổi sáng mùa Đông năm, bấy năm trước, nhìn qua cửa sổ tôi thấy hàng cây trước phòng tôi như một giàn kim cương. Mưa trong đêm. Nước mưa gập lạnh đông lại ở đầu những cánh lá như những hạt kim cương. Tròn. Sáng lóng lánh. Từ năm ấy đến nay không mùa Đông nào tôi được thấy lại giàn kim cương ấy.

Mùa Đông 2017 đến, tôi – CTHĐ – buồn hơn những mùa Đông trước. Năm nay Alice 82 mùa Xuân, tôi 84 tuổi. Chúng tôi gặp nhau năm 1954, chúng tôi yêu nhau trong Ngày Hội Nghị Geneve chia đôi nước Việt Nam. Tôi nói:

– Chúng mình yêu nhau sáu mươi năm.

Alice:

– Sáu mươi ba năm.

Văn Quang, trong thư viết từ Sài Gòn;

– Cuộc tình của vợ chồng mày cho thấy ở đời có những người yêu nhau từ trẻ đến già.

Tình Yêu đến – TÌNH YÊU viết Hoa cả BẢY CHỮ, Hoa luôn dấu HUYỀN, dấu MỸ – tôi làm thơ;

*Mùa Thu mây trắng xây thành  
Tình Em màu ấy có xanh da trời?  
Hoa lòng Em có về tươi?  
Môi Em có thắm nửa đời vì Anh?*

Sáu mươi năm trước, tháng Bảy 1954, ngày tôi làm bài thơ “ Mùa Thu Mây Trắng,” tôi làm bài Thơ:

*Yêu nhau ngày tháng qua nhanh,  
Sáu mươi năm lẻ chúng mình yêu nhau.  
Từ xanh đến bạc mái đầu,*

Tình Ta Nước Biển một màu như xưa.  
Yêu bao giờ, đến bao giờ?  
Thời gian nào rộng cho vừa Tình Ta.  
Hoa lòng Em vẫn tươi hoa  
Môi Em thắm đến Em già chưa phai.  
Yêu kiếp này, hẹn kiếp mai.  
Ngàn năm yêu mãi, yêu hoài nghe Em.  
Mặt trời có lặn về đêm  
Sáng mai Em dậy, bên thêm lại soi.  
Cuộc đời có khóc, có cười,  
Có cay đắng, có ngọt bùi mới hay  
Thu về, trời lại xanh mây  
Đầy trời Anh thấy những ngày ta yêu.  
Càng yêu, yêu lại càng nhiều  
Nhớ Em, Anh nhắn một điều: Yêu Em.

Tôi làm những bài thơ trên khi tôi nằm phơi rốn trong xà-lim Nhà Tù Số 4 Phan Đăng Lưu.  
Tới nay – Tháng Mười, 2017 – Chúng tôi đã sống với nhau 60 năm: 40 năm ở Sài Gòn, 20 năm ở Kỳ Hoa Đất  
Trích. Trong 40 năm ở Sài Gòn có 8 năm tôi phải xa Nàng: 2 năm tôi nằm phơi rốn trong Nhà Tù Số 4 Phan  
Đăng Lưu, 5 năm trong Nhà Tù Chí Hòa, 1 năm ở Trại Tù Khổ Sai Z 30 A.

\*

### ***Rừng Phong, Xứ Tình Nhân, Kỳ Hoa Đất Trích. Ngày Mười Ba Tháng Giêng Kỷ Sửu.***

Sáng mở computer, làm việc đầu tiên: Check mail. Xem Thư. Người bạn trẻ Bắc Thành gửi cho tôi thư:  
Bác cho em hỏi Bác có biết nhà thơ Nguyễn Hữu Nhật không ạ? Ông Nguyễn Hữu Nhật có bài thơ tựa đề là  
“Áo Dài”, nhạc sĩ Trần Quang Lộc phổ nhạc lấy tên là “Ngày Nào”, một bản nhạc em thấy là rất hay, em đã ra  
công kiếm rất là lâu đến bây giờ mới tìm ra nhờ có chị HV tìm giúp. Em chắc bản nhạc “Ngày Nào” được nhạc  
sĩ Ngọc Chánh Shotguns cầu chứng tại tòa, giữ bản quyền phổ biến nên không có ai thu băng lại. Do đó bản  
nhạc “Ngày Nào” mới khó tìm

Theo nhà văn Nguyễn Đình Toàn thì bài thơ “Áo Dài” ở đoạn cuối không có cảnh bán áo nuôi nhau Nhạc sĩ  
Trần Quang Lộc thêm vào đoạn này dựa theo ý của một bài văn mà Bác (HHT) đã viết sau 1975  
Nhà văn Nguyễn Đình Toàn viết:

*“Đó là ý từ một bài viết của Nhà văn Hoàng Hải Thủy, kể rằng, xưa, ông có mua tặng vợ một xấp vải để  
may áo cưới. Nhưng đến ngày cưới lại không dùng tới, bà đã đem cắt làm kỷ niệm. Sau 30 tháng Tư  
1975, vì cần tiền, hai vợ chồng đã phải mang xấp vải ra chợ trời bán.”*

Có đúng như vậy không bác?

Lời bản nhạc “Ngày Nào” như sau. Khi em post lên YouTube xong sẽ mời Bác thưởng thức lời và nhạc:

*Ngày nào mới mặc áo dài  
Em tay run quá chẳng cài nổi khuy  
Chuyện giờ kể có khác đi  
Run tay anh cởi hết khuy em cài  
Ngày nào mới thờ hương người  
Em say ngây ngất rụng rời ngón tay  
Chuyện giờ kể có khác đi  
Tay em buông thõng mỗi khi nhớ người*  
\*

*Ngày nào anh cũng làm thơ  
Dù em là chiếc gương mờ đã lâu  
Trước khi đi ngủ, chái đầu  
Để trong giấc ngủ gặp nhau đàng hoàng*

*Ngày nào mắt ngọc xanh xanh  
Đêm mưa anh nhớ dịu dàng mắt em  
Chuyện giờ kể có khác đi  
Mi xanh mắt ngọc bút chì tô quanh  
Ngày nào mới mặc áo dài  
Soi gương trông bóng tự cài lấy khuy  
Chuyện giờ kể có khác đi  
Không đem bán áo lấy gì nuôi nhau*

Hết Thư BT.

Công Tử Hà Đông trả lời:

Tôi có bài thơ *Áo Vàng Hoa* kể chuyện chiếc áo dài có hoa vàng của vợ chồng tôi, em nhắc đến nó, nay tôi kể sự tích tôi làm bài thơ đó.

Em là một trong những người đọc nhiều truyện, nhiều bài tôi viết, chắc em thấy trước 1975 tôi chỉ viết tiểu thuyết — đa số là tiểu thuyết phóng tác — phóng sự, chỉ thỉnh thoảng lắm em mới thấy tôi viết một, hai bài tùy bút, những bài viết được gọi là Tạp Ghi — tên Tạp Ghi do ông Ký Giả Lô Răng — ông Phan Lạc Phúc, ở Sydney, Úc — đặt ra trên Nhật Báo Tiền Tuyến. Thời xưa ấy, những năm từ 1956 đến 1975, tôi viết tiểu thuyết cung cấp các nhật báo, tuần báo cả ngày, suốt tháng, quanh năm, viết không ngừng nghỉ, những ngày thứ bảy, chủ nhật tôi viết nhiều hơn những ngày trong tuần; tôi viết nhiều như thế mà vẫn còn chưa đủ bài đăng báo, tôi còn tâm trí, tâm hồn đâu mà viết những bài tùy bút văn nghệ, văn gùng, tâm sự lòng thông, tình ý vẫn vương, tôi lại càng không còn hồn trí thơ mộng để mãn thơ.

Thời gian viết nhiều như thế, những năm trước 1975, đôi khi suy nghĩ, tôi thấy tâm trí tôi khi ấy như cái giếng nước, mỗi ngày nước giếng bị mức lên nhiều quá, giếng lúc nào cũng cạn. Do đó tôi không còn tâm hồn để viết tùy bút, tôi lại càng không thể mãn thơ.

Ngày 30 tháng Tư 1975 đến — trời long, đất ngã nghiêng — đang viết nhiều, viết túi bụi, viết loạn cào cào — đột nhiên tôi bị ngưng viết. Cuộc sống u ám, nặng nề kéo dài với những buồn khổ, âu lo. Tôi đau khổ và tôi cảm hận thấy tôi mãi mãi không còn được viết — viết là hạnh phúc của tôi, là việc tôi thích làm nhất — viết những truyện tình trong có những người đàn bà đẹp, sang, thơm như mùi mít, đa tình, chung tình, coi Tình Yêu là trên hết, sống chết với Tình, những truyện tình tôi viết trước năm 1975. Tôi buồn quá đỗi. Lúc ấy tôi như giếng nước bị cấm không được xả nước, giếng nước quá đầy. Không muốn làm thơ, tim tôi tự động làm thơ.

Trên xe đạp đi lang thang trong những đường phố Sài Gòn vắng tanh, vắng ngắt tôi làm thơ. Buổi sáng đứng trước chợ Tân Định, nhìn những sạp soài vàng trong nắng, tôi mãn Thơ:

*Mình Anh ăn miếng xoài này,  
Năm năm soài chín, nhớ ngày Em đi.  
Phải cùng chắng, tiếc làm chi  
Năm năm xoài chín, chợ thì vắng Em.  
Tưởng Em xa nước Em thèm,  
Còn Anh xoài đỏ, xoài đen, quản gì!  
Chúng ta vui một cơn mê,  
Có bao giờ tỉnh? Còn gì là ta!  
Hương dương Em có như hoa,  
Hồn Anh nắng đã chiều tà, Em ơi.  
Có còn nhau nữa hay thôi?  
Yêu nhau ta hãy hẹn lời: Kiếp sau.*

Đêm mưa Đèn tắt. Thành phố tối đen. Trên xe đạp đi ngang chợ Ông Tạ, tôi thấy đoàn người — trong có tôi — làm lũ đi trong bóng đêm như đi trên đường xuống Địa Ngục, tìm tôi bồi hồi, những lời Thơ đến với tôi:

*Ở đấy mộ người toàn cỏ trắng  
Riêng mộ người yêu cỏ sắc xanh.*

*Đêm mưa, đèn tắt, thành xưa vắng  
Thương nhớ Tình Ta chỉ một Anh.  
Em đi mùa ấy mưa hay nắng?  
Đời vắng Khanh đời chỉ nhớ Khanh.  
Lầu vàng, nhà cỏ rồi yên lặng  
Phố chợ, rừng hoang cũng vắng tanh.  
Người yêu, người ghét đều quên lãng  
Chẳng còn Em cũng chẳng có Anh.  
Mồ Em cỏ ấy vàng hay trắng?  
Anh biết mồ Anh cỏ sắc xanh.*

Đi trong thành phố đèn tắt, mưa rơi, thành phố thương yêu tả tơi dưới gót sắt của bọn xâm lăng, tôi nhớ chuyện Chiêu Quân Chuyện do người Tàu bày đặt: Chiêu Quân chết ở đất Hồ. Ở đây trời lạnh, cỏ trên những nấm mồ đều có màu trắng của tuyết, riêng cỏ trên mộ Chiêu Quân có màu xanh. Và tôi làm Thơ. Khoảng 10 giờ một buổi sáng, tôi vào Nhà Bưu Điện Sài Gòn. Năm 1976, cảnh ở đây vẫn như cảnh năm trước, chỉ có khác là có ảnh ông Hồ to tổ bố ở giữa nhà, và ở một ghi-sê có những bà mẹ già, những bà vợ trẻ đến gửi quà cho những người bị bọn xâm lăng bắt đi tù, vẫn hai dãy bàn dành cho khách viết thư, dán keo, vẫn dãy ghế gỗ cho khách ngồi hai bên. Tôi ngồi đấy, hút năm, bầy thuốc — thuốc Vĩnh Hảo, do tôi vấn lấy, mang theo trong cái bao vải cùng cái bật lửa, cặp kính lão, xâu chìa khoá — tôi thấy một thiếu phụ, trạc 29, 30 tuổi, dáng người thon thả, mặt trái xoan, mặc sơ-mi trắng dài tay, tay áo xắn lên, quần jeans xanh nhạt, đi đôi giếp da đế bằng. Nàng đang viết thư. Tôi nhìn Nàng và tôi làm Thơ

### **Những chiếc bàn Bưu Điện**

*Em ngồi trong Bưu Điện viết thư.  
Trời đang mưa, thành phố âm u.  
Mặt bàn hoen vết hồ loang lổ,  
Em buồn mơ nửa phút sầu tư.  
Em viết thư cho người tình cũ?  
Cho chồng Em phiêu bạt giang hồ?  
Người bên kia biển? Người ngồi rữ  
Trong lao tù? Người sống tự do?  
Em viết cho ai? Anh thăm nhủ  
Em đã yêu, đã thương người đó.  
Người Em yêu nay phải xa Em  
Đang nhớ Em từng sớm, từng đêm.  
Anh tới đây ngày tháng ưu phiền  
Thấy bao nhiêu dòng lệ triển miên  
Bao nhiêu đau khổ, bao ly tán  
Nhiều nhớ thương và ít lãng quên.  
Đã về trên mặt bàn Bưu Điện  
Từ thuở trời long, đất ngã nghiêng.  
Em thương sầu, Em thấy không Em?  
Lệ Em rơi nên mặt bàn hoen!  
Ai bảo cỏ cây không hiểu chuyện,  
Này Em gỗ đá cũng oan khiên!  
Vi Em trên giấy nghiêng âu yếm  
Nên mặt bàn Bưu Điện cũng nghiêng.*

Ba tháng sau ngày 30 Tháng Tư 1975, vợ chồng tôi về sống trong căn nhà của mẹ tôi ở Cư Xá Tự Do, giữa Ngã Ba Ông Tạ và Ngã Tư Bảy Hiền — căn nhà khoảng năm 1991, 1992, em, Bắc Thành, từ Mỹ về Sài Gòn Em đến thăm tôi — căn nhà không ai ở từ mấy năm trước, vợ chồng tôi không thích ở nhà ấy, sau ngày cuộc đời đen hơn mồm chó mực, chúng tôi có căn nhà ấy để chui ra, chui vào là may. Căn nhà tối nên phòng khách ban ngày có khách đến cũng phải bật đèn. Một buổi sáng tôi thấy vợ tôi mở tủ áo xem lại mấy cái áo dài của nàng. Nàng đứng trước gương, ướm cái áo lên người, thấy tôi nhìn, Nàng nói:

– Áo đẹp quá.

Và Nàng nói:

– Mình giữ mãi cái áo này.

Tôi nói:

– Bao giờ Em chết, Anh mặc cho Em cái áo ấy.

Nàng xúc động, Nàng lại hỏi:

– Lỡ mình phải bán cái áo này để mua gạo cho các con?

Tôi không trả lời được câu hỏi ấy của Nàng. Buổi chiều, đạp xe lang thang trên những đường phố vắng, tôi làm bài Thơ:

### **Áo Vàng Hoa.**

*Sáng cuối năm, trong căn nhà tối  
Em mở từ nhìn đời ngày cuối.  
Mắt Em buồn bừng sáng màu hoa  
Em nhớ lại ngày may áo mới.  
Đấy áo hoa vàng, Anh chọn, Em may  
Như giọt nước trong dòng Tình Ái  
Trong ưu phiền mắt lặng nhìn nhau  
Em thầm hẹn: Áo này giữ mãi!  
Em yêu dấu ngày Em trở lại  
Đất ngàn năm như cỏ, như hoa  
Anh sẽ mặc cho Em lần cuối  
Áo hoa này rồi tiễn, rồi đưa!  
Em lại hỏi: có ngày ta phải  
Chia áo này cho các con ta?  
Em yêu dấu, Em ơi đừng ngại  
Mặc cho đời tháng lại, ngày qua.  
Trong xương thịt ta còn giữ mãi  
Những cái gì riêng của đôi ta.  
Khi Em nằm xuống, khi tàn lửa  
Trong hào quang của những tiên nga  
Khi xe hạc vàng nhưng đến cửa  
Đón Em về xa cõi trời xa  
Anh sẽ mở hòm Anh lấy áo  
Mặc cho Em chiếc áo vàng hoa.  
Trung u ám một ngày mây phủ  
Nặng những sầu đau, những xót sa  
Em khép cửa hòm, che áo mới  
Và ra đường trong chiếc bà ba.*

Năm 1974, 1975 tôi là nhân viên USIS — Sở Thông Tin Hoa Kỳ — cùng làm việc ở một phòng với tôi có bà thư ký có ông chồng là sĩ quan cảnh sát. Ông này được đi Hong Kong hay Singapore, Bangkok, ông mua về mấy cái áo dài tặng bà vợ. Vì quá nhiều hay vì tiếc tiền, bà bạn đồng sở của tôi mang vào sở vài cái áo bán đi lấy lại tiền. Tôi mua một áo, 10.000 đồng, với điều kiện đến kỳ Pay tôi mới trả tiền, tôi mang áo về tặng vợ tôi. Xấp hàng có hoa màu vàng nên chúng tôi gọi là Áo Vàng Hoa.

Nếu Em, bất thần, hỏi tôi:

– Sao lâu rồi không thấy bác làm Thơ nữa?

Tôi trả lời Em dửng dưng:

– Tôi làm Thơ vì định luật “*Bất bình tắc minh.*” Đời làm mình uất hận, sầu buồn, mình kêu lên. Đôi khi Tiếng

Kêu ấy là Thơ. Từ sau ngày tôi thấy tượng Lenin, tượng Stalin ra nằm ở bãi rác, tôi không còn uất hận nữa. Bọn chúng nó thua, tôi thắng, tôi ở trong số những người thắng, tôi còn cay cú gì nữa mà tôi làm Thơ? Đến đây tạm chấm dứt Chương Trình Văn Nghệ Tạp Lục của Ban Tùm Lum!

CTHD tôi viết **ÁO VÀNG HOA** khoảng năm 1998. Tôi kết bài Viết ở Rừng Phong hôm nay ở đây.

**CTHĐ**